

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 9 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý

Đối với dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Nội vụ đã tổ chức lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: 141 cơ quan, đơn vị (gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ban Pháp chế, HĐND tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND xã, phường).

- Tổng số ý kiến nhận được: 36 cơ quan, đơn vị. Trong đó, có 18 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo, không có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung; 18 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia, đề nghị.

2. Kết quả cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về căn cứ pháp lý	Sở Tư pháp	- Căn cứ thứ 3, đề nghị bổ sung cụm từ “<i>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15</i>” cho đầy đủ, chính xác. - Bỏ căn cứ thứ 5, vì không quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành và không quy định nội dung, cơ sở để ban hành Nghị quyết cho phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Căn cứ thứ 4, 6: Bỏ cụm từ “<i>ngày ... tháng... năm...</i>” ban hành văn bản cho phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Phần III Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu toàn bộ. - Bổ sung cụm từ “<i>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15</i>” tại căn cứ Luật Ngân sách nhà nước. - Bỏ căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (căn cứ thứ 5 của dự thảo lấy ý kiến). - Bỏ cụm từ về ngày, tháng, năm ban hành tại căn cứ thứ 4 và thứ 6.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)	Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	1. Ban Pháp chế HĐND tỉnh: Đề nghị xem xét bỏ cụm từ “<i>từ ngân sách địa phương</i>” tại Điều 1. Lý do: Đã có quy định về nguồn kinh phí thực hiện quy định tại Điều 5. 2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Đề nghị quy định rõ đối tượng: Dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng Nghị định số 154/2025/NĐ-CP trong cụm từ “<i>trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố năm 2026</i>” tại Điều 1. 3. Sở Tư pháp: Điều 1: Đề nghị chỉnh sửa cho thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết, để bảo đảm bao quát, khái quát (quy định cụ thể về đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điều 4 - Đối tượng áp dụng). 4. Văn phòng UBND tỉnh: Tại Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể, rõ hơn phạm vi áp dụng đối với các trường hợp đã nghỉ trong đợt sắp xếp thôn, tổ dân phố vừa qua (hoàn thành đợt tháng 5 năm 2026) hay tính cả năm 2026.	Tiếp thu toàn bộ theo hướng tích hợp các ý kiến. Nội dung sau tiếp thu: “Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.”
Về đối tượng áp dụng (Điều 2)	Ban Pháp chế HĐND tỉnh; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	1. Ban Pháp chế HĐND tỉnh: Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ đối tượng áp dụng, thời gian nghỉ việc của đối tượng áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ đảm bảo thống nhất trong tờ trình và dự thảo nghị quyết. - Đề nghị xem xét, bổ sung, điều chỉnh khoản 2 Điều 2 như sau: “<i>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện nghị quyết.</i>” 2. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh: Tại Điều 2 quy định: “<i>Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc ngay do thực hiện cơ cấu, kiện toàn đội ngũ...</i>”. Tuy nhiên, nội dung này chưa đủ chặt chẽ để xác định đối tượng hưởng, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau giữa các xã, phường. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu diễn đạt theo hướng: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc ngay kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu một phần. - Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc xác định rõ đối tượng, thời gian nghỉ việc và khoản 2 Điều 2. - Tiếp thu yêu cầu của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh về việc làm rõ căn cứ xác định đối tượng; dự thảo quy định đối tượng là người nghỉ việc trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố năm 2026 do địa phương chủ động lựa chọn, bố trí, cơ cấu, kiện toàn lại đội ngũ theo phương án được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt hoặc thông qua; đồng thời phải không phải trường hợp

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		3. Văn phòng UBND tỉnh: Tại Điều 2, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể hơn căn cứ xác định đối tượng áp dụng (được xác định trên cơ sở phương án/đề án bố trí, kiện toàn nhân sự do UBND xã, phường phê duyệt hay văn bản cụ thể nào...).	dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố nghỉ ngay kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền và không thuộc đối tượng được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. - Không tiếp thu cách diễn đạt “nghỉ việc ngay kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền” theo đề xuất của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh vì đây là dấu hiệu pháp lý đặc trưng của nhóm người hoạt động không chuyên trách đôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi giải quyết theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Nếu sử dụng nguyên văn cách diễn đạt này sẽ làm mờ ranh giới giữa nhóm thuộc Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và nhóm được hỗ trợ theo chính sách riêng của tỉnh. - Không quy định cứng một loại phương án/đề án hoặc một chủ thể phê duyệt duy nhất, nhằm bảo đảm bao quát các hình thức văn bản hợp pháp của cấp có thẩm quyền và phù hợp hồ sơ thực tế của từng địa phương.
Về nguyên tắc hỗ trợ (Điều 3)	Ban Pháp chế HĐND tỉnh; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Tư pháp; UBND xã Đồng Văn	1. Ban Pháp chế HĐND tỉnh: Đề nghị xem xét, bổ sung, điều chỉnh khoản 5 Điều 2 để đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ các trường hợp đối tượng được nhận hỗ trợ như sau: “5. Chưa thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm; người chưa hoàn thành việc thanh toán, quyết toán, bàn giao các khoản tiền, kinh phí, tài sản được giao quản lý, sử dụng hoặc tiếp nhận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ở thôn, tổ dân phố. Việc giải quyết	Tiếp thu toàn bộ và chỉnh lý Điều 3, Điều 4 theo hướng: - Khoản 1 Điều 3 quy định: “Mỗi đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ được hỗ trợ một lần”. Bỏ khoản 2 hiện hành; rà soát lại thứ tự các khoản. - Quy định rõ căn cứ xác định trường hợp

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>đối với các trường hợp sau thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra không có dấu hiệu vi phạm; người hoàn thành việc thanh toán, quyết toán, bàn giao các khoản tiền, kinh phí, tài sản được giao quản lý, sử dụng hoặc tiếp nhận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ở thôn, tổ dân phố thì được giải quyết hưởng chính sách theo nghị quyết này.”</i> - Đề nghị tách khoản 3 Điều 3 thành Điều khoản riêng quy định về thu hồi kinh phí đã hỗ trợ, trong đó bổ sung quy định về trách nhiệm đối với cơ quan quản lý người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố sau khi được bầu cử, tuyển dụng, bổ trí lại. 2. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh: Tại khoản 3, Điều 3, đề nghị bổ sung trường hợp ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đề nghị quy định bổ sung quy định về cơ chế thu hồi số tiền hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 3 để thuận lợi cho quá trình thực hiện sau này. Tại khoản 5, Điều 3 quy định chưa thực hiện hỗ trợ đối với người: <i>“Đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm...”</i> Đề nghị làm rõ những trường hợp bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự thì có được hưởng hỗ trợ không? Việc bị kỷ luật tính trong quá trình đảm nhận nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách hay chỉ tính tại thời điểm xét duyệt chế độ, chính sách? 3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Đề nghị bổ sung căn cứ xác định trường hợp <i>“chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ”</i>, gắn với phương án cơ cấu, kiện toàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời rà soát, loại trừ số người dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Đối với trường hợp tạm thời chưa giải quyết chính sách tại khoản 5 Điều 3, dự thảo Nghị quyết, đề nghị sửa thành <i>“Đối với những người</i>	địa phương <i>“chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ”</i> gắn với phương án, quyết định của cấp có thẩm quyền; loại trừ người thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. - Bổ sung trường hợp ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước vào trường hợp phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ. - Bổ sung Điều 5 về thu hồi kinh phí hỗ trợ: Đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết này nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc bổ trí làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong thời gian 60 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ việc thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả hỗ trợ. - Chuyển nội dung về xác định thời gian công tác thành khoản 3 Điều 3 và chuyển nguyên tắc tính số tháng lẻ từ khoản 2 Điều 4 về cùng nội dung này. - Chuyển quy định về trường hợp chưa thực hiện hỗ trợ sang khoản về điều kiện được hỗ trợ tại Điều 4; quy định rõ việc

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm; người chưa hoàn thành việc thanh toán, quyết toán, bàn giao các khoản tiền, kinh phí, tài sản được giao quản lý, sử dụng hoặc tiếp nhận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ở thôn, tổ dân phố thì việc xem xét áp dụng chính sách hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoàn thành công tác thanh toán, quyết toán, bàn giao theo đúng quy định.”</i> 4. Sở Tư pháp: Khoản 1, chỉnh sửa cho khoa học như sau: “1. Mỗi đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ được hỗ trợ một lần”. - Khoản 2: Đề nghị bỏ vì không cần thiết, nội dung này đã được thể hiện cụ thể tại quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và đối tượng được hỗ trợ. - Khoản 3 chuyển thành khoản 2. - Khoản 4 chuyển thành khoản 3 và bổ sung nội dung quy định về việc tính thời gian hỗ trợ đối với trường hợp số tháng lẻ (chuyển nội dung tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết về khoản này). - Khoản 5 chuyển về khoản 2 Điều 4 quy định về điều kiện hỗ trợ (như ý kiến tham gia tại điểm d khoản 2.1 Văn bản này), trong đó nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy định về điều kiện hỗ trợ là không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, không đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật,... 5. UBND xã Đồng Văn: Đề nghị có hướng dẫn quy định cụ thể về xác định và cộng nối thời gian công tác, cách tính thời gian có tháng lẻ, mức phụ cấp làm căn cứ tính hỗ trợ và hồ sơ chứng minh quá trình công tác, bảo đảm thống nhất, công khai, minh bạch và thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.	xem xét hỗ trợ chỉ thực hiện sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc sau khi hoàn thành thanh toán, quyết toán, bàn giao theo quy định; đồng thời rà soát điều kiện liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và pháp luật. - Đối với ý kiến của UBND xã Đồng Văn: Dự thảo đã quy định tại Điều 3 nguyên tắc xác định thời gian công tác, thời điểm bắt đầu và kết thúc, không tính trùng khi đồng thời đảm nhiệm nhiều chức danh, nguyên tắc làm tròn tháng lẻ, cộng nối thời gian và yêu cầu có hồ sơ, tài liệu chứng minh; khoản 3 Điều 4 quy định mức phụ cấp làm căn cứ tính hỗ trợ. Các nội dung chi tiết về thành phần hồ sơ, quy trình rà soát được thực hiện trong quá trình tổ chức thi hành theo quy định hiện hành, không cần liệt kê cứng trong Nghị quyết.
Về chính sách hỗ trợ (Điều 4)	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; UBND xã Thái Bình; Sở Tư pháp;	1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh: Tại khoản 1, Điều 4, đề nghị sửa cụm từ “1,2 tháng mức phụ cấp” thành “1,2 lần mức phụ cấp hằng tháng” đồng thời sửa ở các cụm từ tương tự trong khoản 1 cho dễ hiểu.	1. Tiếp thu một phần. - Cơ cấu lại Điều 4 thành 03 khoản: (1) Đối tượng được hỗ trợ; (2) Điều kiện được hỗ trợ; (3) Mức hỗ trợ.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	UBND các xã, phường: Pà Vầy Sủ, Bình Ca, Yên Hoa, Kiên Đài, Đồng Văn, Thuận Hòa, Đông Thọ, Mèo Vạc, Bản Máy, Minh Tân; phường Bình Thuận, Hà Giang 2	2. UBND xã Thái Bình: Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh theo hướng: “<i>Thời gian công tác đến đủ 05 năm thì mỗi năm được hỗ trợ bằng 1,5 tháng mức phụ cấp; từ năm công tác thứ 06 đến hết năm công tác thứ 10 thì mỗi năm được hỗ trợ bằng 1,0 tháng mức phụ cấp; từ năm công tác thứ 11 trở đi thì mỗi năm được hỗ trợ bằng 0,8 tháng mức phụ cấp. Tổng mức hỗ trợ đối với một người không quá 15 tháng mức phụ cấp</i>”. Lý do: Qua thực tiễn triển khai việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức ở cơ sở, nhiều người hoạt động ở thôn đã có thời gian công tác liên tục trong nhiều năm, gắn bó với địa bàn dân cư, trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương. Việc sắp xếp, giảm số lượng thôn dẫn đến một bộ phận người hoạt động ở cơ sở phải thôi đảm nhiệm chức danh, trong đó có những trường hợp có thời gian công tác lâu năm. Do đó, Ủy ban nhân dân xã đề nghị điều chỉnh tăng mức hỗ trợ nhằm ghi nhận quá trình công tác, sự đóng góp và thời gian gắn bó của người hoạt động ở cơ sở; tạo sự động viên, chia sẻ phù hợp đối với những trường hợp thôi đảm nhiệm chức danh do yêu cầu sắp xếp, kiện toàn tổ chức; đồng thời bảo đảm tương quan hợp lý giữa mức hỗ trợ và thời gian công tác thực tế. Việc đề xuất tăng mức hỗ trợ theo từng giai đoạn thời gian công tác, đồng thời giữ mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tháng mức phụ cấp/người, vừa thể hiện sự quan tâm, động viên đối với người có quá trình công tác lâu năm, vừa bảo đảm giới hạn mức hỗ trợ và tính khả thi trong tổ chức thực hiện chính sách. 3. Sở Tư pháp: Bỏ cục Điều này thành các khoản cho khoa học như sau: “1. Đối tượng được hỗ trợ; 2. Điều kiện được hỗ trợ; 3. Mức hỗ trợ”. Trong đó, khoản 1 quy định cụ thể về đối tượng được hỗ trợ (trên cơ sở nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết); khoản 2, nghiên cứu, bổ sung quy định về điều kiện được hỗ trợ để bảo đảm chặt chẽ; khoản 3 quy định trên cơ sở nội dung tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 dự thảo	- Thống nhất cách diễn đạt theo ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, sử dụng “lần mức phụ cấp hàng tháng” tại các mức hỗ trợ đề rõ cách tính. 2. Không tiếp thu ý kiến của xã Thái Bình. Lý do: Mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở chủ trương đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 1251-KL/TU ngày 26/8/2026. Phương án nêu trên được xác định trên cơ sở cân đối giữa yêu cầu ghi nhận thời gian công tác, mức độ đóng góp của đối tượng nghỉ việc với khả năng cân đối ngân sách địa phương; đồng thời bảo đảm mức hỗ trợ có sự phân hóa hợp lý theo thời gian công tác. Trường hợp điều chỉnh tăng các mức hỗ trợ lên 1,5; 1,0 và 0,8 tháng mức phụ cấp/năm nhưng vẫn giữ tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tháng mức phụ cấp sẽ làm đối tượng có thời gian công tác dài sớm đạt mức hỗ trợ tối đa, qua đó thu hẹp sự chênh lệch về mức hưởng giữa các trường hợp có thời gian công tác khác nhau. Ví dụ, theo phương án đề xuất của UBND xã Thái Bình, người có 14 năm công tác đã đạt mức hỗ trợ tối đa 15 tháng mức phụ cấp, tương đương với người có thời gian công tác dài hơn; do đó chưa bảo đảm đầy đủ mục tiêu phân hóa mức hỗ trợ theo thời gian công tác. Mặt khác, việc tăng các mức hỗ trợ sẽ làm

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nghị quyết. 4. UBND xã Pà Vây Sủ: Đề nghị quy định nhóm đối tượng và mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết bằng với mức hỗ trợ theo nhóm đối tượng được quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP nhằm tránh phát sinh khiếu nại về sau. 5. UBND xã Bình Ca: Đề nghị điều chỉnh Điều 4 của dự thảo Nghị quyết theo Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP để bảo đảm quyền lợi, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn xã do cơ cấu, kiện toàn. 6. UBND xã Yên Hoa: Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh mức hỗ trợ theo hướng tương đương hoặc gần bằng với mức hưởng theo Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; trong đó đề nghị xem xét trợ cấp một lần bằng 0,8 lần mức phụ cấp hằng tháng hiện hưởng nhân với số tháng công tác; trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp hằng tháng hiện hưởng cho mỗi năm công tác; trợ cấp 03 tháng phụ cấp hằng tháng hiện hưởng để tìm việc làm; đối với trường hợp đã đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, đề nghị mức hỗ trợ 15 tháng phụ cấp hằng tháng hiện hưởng. 7. UBND xã Kiên Đài: Đề nghị xem xét điều chỉnh, tăng mức hỗ trợ vì mức hỗ trợ tại dự thảo thấp hơn so với chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và có thể phát sinh tâm tư, so sánh giữa các nhóm đối tượng. 8. UBND xã Đồng Văn: Đề nghị sửa Điều 4 theo hướng phân nhóm đối tượng và quy định mức hỗ trợ tương đương với các nhóm đối tượng tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. 9. UBND xã Thuận Hòa: Đề nghị nâng mức hỗ trợ: đến đủ 05 năm là 1,5 tháng mức phụ cấp/năm; từ năm thứ 06 đến hết năm thứ 10 là 01 tháng mức phụ cấp/năm; từ năm thứ 11 trở đi là 0,8 tháng mức phụ cấp/năm. 10. UBND xã Đông Thọ: Đề nghị hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc do cơ cấu, kiện toàn nhưng không thuộc Nghị định số 154/2025/NĐ-CP theo chế độ tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. 11. UBND xã Mèo Vạc: Đề nghị nâng mức hỗ trợ bằng với mức thụ hưởng tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và phân nhóm đối tượng hưởng chính sách theo các nhóm đối tượng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.	tăng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách so với phương án đã được xây dựng, trong khi chính sách này được thực hiện hoàn toàn từ ngân sách địa phương và phải bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách. Vì vậy, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên mức hỗ trợ theo phương án tại dự thảo Nghị quyết. 3. Đối với ý kiến của UBND phường Bình Thuận: Tiếp thu về mục tiêu bảo đảm người có thời gian công tác dưới 05 năm được hưởng hỗ trợ; không phải chỉnh sửa dự thảo vì khoản 3 Điều 4 hiện đã quy định “thời gian công tác đến đủ 05 năm thì mỗi năm được hỗ trợ bằng 1,2 lần mức phụ cấp hằng tháng”, bao gồm cả trường hợp có thời gian công tác dưới 05 năm. Khoản 2 Điều 3 đồng thời quy định cách tính đối với tháng lẻ: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn 01 năm. 4. Không tiếp thu các đề nghị nâng mức hỗ trợ bằng, tương đương hoặc gần bằng mức hưởng và phân nhóm đối tượng theo Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của UBND các xã Pà Vây Sủ, Bình Ca, Yên Hoa, Kiên Đài, Đồng Văn, Đông Thọ, Mèo Vạc, Bản Máy và phường Hà Giang 2. Lý do: Nghị định số 154/2025/NĐ-CP điều chỉnh nhóm người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố, thuộc chính sách tinh giản biên chế của Trung ương. Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một nhóm khác: người nghỉ

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		12. UBND xã Bản Máy: Đề nghị tăng mức chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn nghị việc do cơ cấu, kiện toàn theo Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. 13. UBND phường Bình Thuận: Đề nghị bổ sung chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách đã nghỉ việc có thời gian công tác dưới 05 năm, theo thời gian thực tế công tác và khả năng cân đối ngân sách địa phương. 14. UBND xã Minh Tân: Đề nghị nâng mức hỗ trợ để trung bình tổng mức thụ hưởng của đối tượng điều chỉnh trong Nghị quyết không thấp hơn 70% so với trung bình tổng mức thụ hưởng theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. 15. UBND phường Hà Giang 2: Đề nghị nâng mức hỗ trợ bằng với mức thụ hưởng theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và phân nhóm đối tượng hưởng chính sách theo nhóm đối tượng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.	việc do địa phương chủ động lựa chọn, bố trí, cơ cấu, kiện toàn lại đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Việc áp dụng nguyên mức và cơ cấu nhóm của Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP cho nhóm ngoài phạm vi Nghị định sẽ làm mờ ranh giới giữa hai chính sách và không còn thể hiện đúng bản chất đây là chính sách hỗ trợ riêng từ ngân sách địa phương. Mức hỗ trợ tại dự thảo được xây dựng theo chủ trương đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 1251-KL/TU ngày 26/8/2026, đồng thời cân đối với khả năng ngân sách địa phương. 5. Không tiếp thu đề nghị của UBND xã Thuận Hòa về nâng mức lên 1,5; 1,0; 0,8 tháng mức phụ cấp/năm. Lý do tương tự ý kiến của UBND xã Thái Bình: phương án 1,2; 0,8; 0,5 tại dự thảo bám chủ trương đã được thống nhất, bảo đảm phân hóa mức hỗ trợ theo thời gian công tác và phù hợp khả năng cân đối ngân sách; nếu tăng hệ số nhưng vẫn giữ trần 15 lần mức phụ cấp hằng tháng thì đối tượng có thời gian công tác dài sẽ sớm chạm trần, thu hẹp chênh lệch giữa các nhóm thâm niên. 6. Không tiếp thu đề nghị của UBND xã Minh Tân về bảo đảm mức thụ hưởng bình quân không thấp hơn 70% so với Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. Lý do: pháp luật hiện hành không quy định tỷ lệ 70% là chuẩn so sánh bắt buộc; hai chính sách

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			có phạm vi, căn cứ phát sinh và nguồn lực thực hiện khác nhau. Việc ấn định một tỷ lệ so sánh với chính sách tinh giản biên chế của Trung ương không phải là căn cứ pháp lý để xác định mức chi của chính sách hỗ trợ riêng của địa phương.
Về hoàn trả, thu hồi kinh phí hỗ trợ (Điều 5)	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Tại nội dung hoàn trả kinh phí hỗ trợ khi người đã được hỗ trợ sau đó được bầu cử, tuyển dụng lại hoặc bổ trí làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Đề nghị nghiên cứu làm rõ, quy định cụ thể hơn cách xác định nghĩa vụ, cách thức hoàn trả, thời hạn hoàn trả và cơ quan thực hiện thu hồi, tránh khó khăn khi triển khai.	Tiếp thu một phần. - Dự thảo đã quy định rõ các trường hợp phát sinh nghĩa vụ hoàn trả; người đã nhận hỗ trợ có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nhận. - Điều 5 đã xác định cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người được hỗ trợ sau khi được bầu cử, tuyển dụng, ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc được bổ trí lại có trách nhiệm thông báo; cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả có trách nhiệm thu hồi và nộp hoàn trả ngân sách nhà nước. - Không bổ sung vào Nghị quyết thời hạn và phương thức hoàn trả cụ thể vì đây là nội dung tổ chức thu hồi, nộp ngân sách được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan; quy định cứng trong Nghị quyết có thể làm phát sinh chông chéo khi trình tự, thủ tục thu hồi được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.
Về nguồn kinh phí (Điều 6)	Ban Pháp chế HĐND tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Tài chính	1. Ban Pháp chế HĐND tỉnh: Đề nghị xem xét, điều chỉnh Điều 5 như sau: <i>“Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của pháp Luật về Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách</i>	Tiếp thu toàn bộ theo hướng bảo đảm đồng thời nội dung về nguồn kinh phí và kỹ thuật quy phạm.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.”</i> 2. Sở Tư pháp: Điều 5, đề nghị bỏ cụm từ “<i>và khả năng cân đối ngân sách của địa phương</i>” vì khi xây dựng dự thảo Nghị quyết này đã bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, khi Nghị quyết được ban hành thì tổ chức thực hiện theo quy định. 3. Sở Tài chính: Theo báo cáo của Sở Nội vụ, dự kiến kinh phí phải bố trí khoảng 18,16 tỷ đồng với mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết. Từ các nội dung nêu trên, Sở Tài chính nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết.	- Sau khi bổ sung Điều 5 về thu hồi kinh phí hỗ trợ, nội dung nguồn kinh phí được chuyển thành Điều 6. Điều 6 quy định: “<i>Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.</i>”.
Về tổ chức thực hiện (Điều 6)	Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh	Đề nghị xem xét, điều chỉnh Điều 6 như sau: <i>“1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.</i> <i>Chỉ đạo tổ chức rà soát, xác định và phê duyệt đối tượng, thời gian công tác; phê duyệt danh sách đối tượng hưởng chính sách; lập dự toán, phê duyệt, chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng; bố trí kinh phí, thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng, thanh toán, quyết toán, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.</i> <i>2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.”</i>	Tiếp thu. Chính lý Điều 7 theo dự thảo Nghị quyết sau tiếp thu: “<i>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo rà soát, xác định đối tượng, thời gian công tác; phê duyệt danh sách đối tượng hưởng chính sách; lập dự toán, phê duyệt, chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.</i> <i>2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.”</i>

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Vấn đề khác	Sở Tư pháp	1. Sở Tư pháp - Nơi nhận: Đề nghị bổ sung địa chỉ nơi nhận “<i>Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính</i>”; chỉnh sửa nơi nhận “<i>Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh</i>” thành “<i>Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang</i>”. 2. Sở Tư pháp - Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Đề nghị rà soát, chỉnh sửa ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Phụ lục I và Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. 3. Sở Tư pháp - Về trình tự, thủ tục: Sau khi tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội (nếu có), đề nghị cơ quan soạn thảo đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (lưu ý: thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày và trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các hoạt động khác trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định). Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, gửi về Sở Tư pháp để thẩm định theo quy định tại Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Lưu ý: Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Sở Tư pháp tiếp tục nghiên cứu và có ý kiến tại giai đoạn thẩm định dự thảo Nghị quyết.	Tiếp thu toàn bộ. - Bổ sung “<i>Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính</i>”; chỉnh tên nơi nhận thành “<i>Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang</i>”. - Rà soát toàn bộ ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo các quy định và mẫu biểu Sở Tư pháp viện dẫn. - Thực hiện đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định đúng trình tự, thời hạn, thành phần và hình thức hồ sơ theo hướng dẫn.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Dự thảo Tờ trình - Căn cứ pháp lý, sự cần thiết	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	1. Sở Tư pháp xác định: Căn cứ quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật 145/2025/QH15 và điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, thì việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là có căn cứ pháp lý. Từ những vấn đề nêu trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một lần đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết. 2. Văn phòng UBND tỉnh: - Tại khoản 2.1 phần thực trạng, đề nghị nêu rõ nhóm 835 người nghỉ việc được xác định trên cơ sở phương án/đề án bố trí, kiện toàn nhân sự do UBND xã, phường phê duyệt và đã được Sở Nội vụ thẩm định, nhất trí. - Tại Mục I về sự cần thiết ban hành Nghị quyết, đề nghị nghiên cứu bổ sung thông tin thống kê về việc triển khai chính sách này của các tỉnh lân cận, có điều kiện tương đồng với Tuyên Quang. - Tại khoản 3.2 về nội dung cơ bản của chính sách, đề nghị tóm tắt trình tự đã nghiên cứu, trao đổi, các phương án đã đề xuất và xin ý kiến làm cơ sở đề xuất nội dung chính sách.	1. Tiếp thu. Tiếp tục hoàn thiện phần căn cứ pháp lý, sự cần thiết ban hành trong Tờ trình trên cơ sở nội dung Sở Tư pháp đã rà soát, bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị quyết sau chỉnh lý. 2. Đối với ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh: - Tiếp thu yêu cầu làm rõ căn cứ xác định đối tượng. Tuy nhiên, không xác định “đã được Sở Nội vụ thẩm định, nhất trí” là điều kiện bắt buộc để một cá nhân được hưởng chính sách, vì dự thảo Nghị quyết xác định căn cứ pháp lý trực tiếp là phương án được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt hoặc thông qua và quyết định/văn bản cho thôi làm chức danh, nghỉ việc. Việc rà soát số lượng 835 trường hợp là nội dung tổng hợp hồ sơ, số liệu phục vụ xây dựng chính sách, không thay thế điều kiện hưởng quy định tại Nghị quyết. - Không tiếp thu đề nghị bổ sung thống kê chính sách của các tỉnh lân cận vào nội dung cốt lõi của hồ sơ làm căn cứ quyết định chính sách. Lý do: chính sách này được xây dựng trên cơ sở tình hình thực tế, đối tượng phát sinh và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Tuyên Quang; chính sách của địa phương khác chỉ có giá trị tham khảo, không phải căn cứ pháp lý hoặc tiêu chí bắt buộc để xác định mức hỗ trợ của tỉnh. - Tiếp thu về yêu cầu thuyết minh quá trình xây dựng phương án chính sách; nội dung

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			này thuộc Tờ trình/hồ sơ thuyết minh và không làm thay đổi quy phạm của dự thảo Nghị quyết.
Dự thảo Tờ trình - Minh họa cách tính, dự toán kinh phí	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Sở Tài chính	1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh: Nghiên cứu bổ sung bảng tính minh họa cho một số trường hợp cụ thể, chẳng hạn 1 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm công tác. Đặc biệt cần làm rõ trường hợp người có thời gian công tác dài nhưng đã chạm mức trần 15 tháng phụ cấp. 2. Sở Tài chính: Theo báo cáo của Sở Nội vụ, dự kiến kinh phí phải bố trí khoảng 18,16 tỷ đồng với mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết.	Tiếp thu toàn bộ. - Bổ sung trong Tờ trình/hồ sơ bảng tính minh họa đối với các mốc 1 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm công tác và làm rõ nguyên tắc áp dụng mức hỗ trợ tối đa 15 tháng mức phụ cấp. - Cập nhật lại dự toán kinh phí sau khi điều chỉnh mức hỗ trợ để bảo đảm số liệu trong Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và tài liệu kèm theo thống nhất.